

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HSPT

Ngày 10 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn

Bà Lê Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Xuân H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Xuân H** (tên gọi khác Nguyễn Văn H), sinh ngày 20/4/1960 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N(đã chết) và bà Nguyễn Thị D; vợ: Phạm Thị L; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Đoàn thể, Đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị cáo Nguyễn Văn E có kháng cáo nhưng ngày 14/4/2021 bị cáo E đã có văn bản rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ nên không triệu tập.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn E làm kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Do kinh doanh thua lỗ, mất kiểm soát chi tiêu cá nhân dẫn đến phải trả lãi quá hạn cho những khoản vay tại Ngân hàng và các khoản nợ cá nhân khác, để tránh bị vỡ nợ và phát mại nhà đất nên E nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 8/2011, tại địa bàn thành phố V, Nguyễn Văn E thực hiện hành vi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) của người khác và nhờ Nguyễn Xuân H, cán bộ địa chính xã B làm giả Trích lục thửa đất số 89B, tờ bản đồ số 30 ở xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể:

Nguyễn Văn E nhặt được GCNQSDĐ thửa đất số 89B, tờ bản đồ 30, diện tích 367m², địa chỉ: Khu 10, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc của ông Trần Văn T, sinh năm 1965 và vợ là bà Phạm Thị M (đổi tên thành Phan Thị M), sinh năm 1972 ở Khu 10, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, E đến mượn chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông T, bà M, mục đích lập khống hồ sơ vay tiền Ngân hàng. Do có quan hệ quen biết từ trước, ông T và bà M từng làm thuê lâu năm cho gia đình E, vì nể nang nên ông T đồng ý.

Ngày 20/8/2010, E đem GCNQSDĐ số P627703 của ông T đến nhà Nguyễn Xuân H (tên gọi khác Nguyễn Văn H), là cán bộ địa chính của Ủy ban nhân dân xã B để đặt vấn đề với H vẽ Trích lục thửa đất theo GCNQSDĐ của ông bà T M ở khu 10, xã B, huyện C, nhưng không phải vị trí thửa đất của ông T mà là vị trí thửa đất của E (ở số 2C, tờ bản đồ 24, có diện tích là 720m², ở khu 11, xã B, huyện C). H hỏi E “*làm vậy để làm gì?*” thì E nói “*đất nhà T M ở trong xóm, vị trí xấu lại không có hoạt động kinh doanh nên không vay được D tiền, em tự nhận là T rồi giới thiệu với Ngân hàng khu đất nhà em đang ở cùng hoạt động kinh doanh chăn nuôi để vay tiền*” và E nói phải có Trích lục đó thì Ngân hàng mới duyệt hồ sơ vay vốn. Do nể nang E là người cùng xã nên H đồng ý. Để làm giả được tờ Trích lục, H bảo E để lại GCNQSDĐ của ông T, hôm nào làm xong H sẽ gọi. Ngày 24/8/2010, H vẽ tờ Trích lục ghi: Thửa đất 89B, tờ bản đồ số 30 ở khu 10, xã B, huyện C của hộ ông Trần Văn T, diện tích 367m², cạnh của thửa đất (dài 21m, rộng 18m) và đường dân sinh trước thửa đất là 6m, ký tên là Nguyễn Văn H, ghi ngày 24/8/2010. Nội dung ghi trên Trích lục này là hoàn toàn giả mạo, không đúng với thực tế thửa đất. Sau khi làm giả tờ Trích lục xong, H trình ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963, ở thôn X, xã B, huyện C, lúc đó là Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B ký xác nhận (H không nói mục đích cho ông P biết). Tin tưởng H là cán bộ chuyên môn nên ông P ký xác nhận rồi H

đóng dấu Ủy ban nhân dân xã B vào tờ Trích lục giả này. Cùng ngày 24/8/2010, H đưa tờ Trích lục giả cho E. E đem tờ Trích lục thửa đất trên về nhà, thấy H không vẽ đường dân sinh trước thửa đất dẫn trực tiếp lên đê tả sông Phó Đáy như hiện trạng thửa đất nhà mình để thuận lợi cho việc vay vốn, E liền tự vẽ thêm một đường thẳng cắt ngang đường dân sinh, ghi chữ “ĐĐÊ” thể hiện đó là đường đê. Còn về sổ sách hoạt động kinh doanh, E lấy sổ sách theo dõi việc kinh doanh bán vật liệu xây dựng hàng ngày của gia đình E phôtô sau đó đem trích lục thửa đất giả cùng các bản phôtô sổ sách theo dõi kinh doanh đến Phòng giao dịch thành phố V đưa cho chị Y. Sau khi xem trích lục thửa đất, chị Y thấy trích lục vẽ đường đê không đúng nên yêu cầu E về xin cấp lại. Vài ngày sau, E đến nhà H nhờ vẽ lại tờ trích lục khác, vì tờ trích lục giả trước đó sai cách vẽ đường đê nên Ngân hàng không đồng ý cho vay, H đồng ý làm lại tờ Trích lục thửa đất giả khác đưa cho E. Nội dung tờ trích lục giả lần này H vẫn ghi diện tích 367m², chiều các cạnh (dài 21m, rộng 18m), đường dân sinh 6m và thể hiện thửa đất nằm sát đường đi lên “ĐÊ” theo yêu cầu của E. Sau khi làm giả tờ trích lục này, H trình ông P ký, đóng dấu Ủy ban nhân dân xã B, ghi lại ngày 24/8/2010 đưa cho E. Ngày hôm sau, E đem 02 tờ trích lục bản đồ H vẽ cho E nộp cho cán bộ ngân hàng tên là Y để hoàn P hồ sơ xin vay vốn. Do tin tưởng khách hàng cung cấp hồ sơ có xác nhận của Chính quyền địa phương, đối chiếu giữa tờ Trích lục thửa đất với thực tế thửa đất thấy phù hợp nên chị Y xác định đây là tài sản thế chấp vay vốn và tiến hành lập biên bản thẩm định, phê duyệt cho E vay tiền.

Sau khi vay được số tiền này, E chiếm đoạt sử dụng trả các khoản nợ và tiêu xài cá nhân hết nên trong quá trình thực hiện hợp đồng chỉ trả lãi đến ngày 14/3/2012 sau đó mất khả năng T toán. Ngày 27/5/2012, Ngân hàng khởi kiện ông Trần Văn T và bà Phạm Thị M đến Tòa án Nhân dân huyện C để thu hồi khoản nợ. Quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại, Ngân hàng phát hiện hành vi của E lập hồ sơ không để chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng và gửi đơn tố cáo đến Công an huyện C. Tuy nhiên, tháng 4/2012, E có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện C đã bỏ trốn nên không làm rõ được hành vi của E theo đơn tố cáo. Đến ngày 12/02/2017, Cơ quan điều tra đã bắt được E. Ngày 30/4/2017, Công an huyện C chuyển đơn tố cáo của Ngân hàng cho Công an thành phố V giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 27/7/2017, Ngân hàng TMCP X- Chi nhánh Vĩnh Phúc cung cấp toàn bộ hồ sơ tài liệu của Nguyễn Văn E mạo danh Trần Văn T để vay vốn.

Ngày 11/10/2017, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc về thửa đất thuộc quyền sử dụng của Nguyễn Văn E, ông Trần Văn T và việc cấp Trích lục thửa đất 89B tờ bản đồ số

30 ngày 24/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã B xác định: Hộ ông Nguyễn Văn E có 01 thửa đất diện tích 720m² tại khu 11, xã B, huyện C, thửa số 2C, thuộc tờ bản đồ số 24 (bản đồ 299); hộ ông Trần Văn T có 01 thửa đất có diện tích theo sổ địa chính là 367m² tại khu 10, xã B, huyện C, thửa số 89B, thuộc tờ bản đồ số 30 (bản đồ 299); Tờ trích lục thửa đất số 89B, tờ bản đồ số 30, tại xã B, huyện C cấp cho hộ ông Trần Văn T ở khu 10, xã B, huyện C lập ngày 24/8/2010 là không đúng vị trí so với giấy CNQSDĐ đã được cấp thực tế của vị trí thửa đất.

Ngày 05/01/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B cung cấp văn bản, tài liệu có đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã B được soạn thảo và ban hành năm 2010, 2011 và văn bản, tài liệu có chữ ký trực tiếp của ông Nguyễn Văn P - Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B được ký và ban hành năm 2010 và năm 2011. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân xã B cung cấp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố V 05 bản tài liệu gốc do Ủy ban nhân dân xã B soạn thảo, được ông Nguyễn Văn P ký và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã B.

Ngày 09/01/2018 Cơ quan CSĐT Công an thành phố V có Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định: Chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn P và mẫu dấu tròn của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C trên 02 bản trích lục thửa đất số 89B, tờ bản đồ số 30 tại xã B, huyện C (ký hiệu A1 và A2). Tại Kết luận giám định số 33/KLGD ngày 19/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn P và mẫu dấu tròn của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C trên 02 bản trích lục thửa đất số 89B, tờ bản đồ số 30 tại xã B, huyện C và so với các mẫu chữ ký và dấu cần giám định đều là do cùng một người ký ra và do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H (Nguyễn Văn H) phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 284; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H (Nguyễn Văn H) 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, tuyên về bồi thường, xử lý vật chứng, tính án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/3/2021, bị cáo Nguyễn Xuân H (Nguyễn Văn H) có đơn kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 17/3/2021, bị cáo Nguyễn Văn E có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng ngày 14/4/2021, bị cáo E đã có văn bản rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 08/2021/HSPT-QĐ ngày 19/5/2021 đối với bị cáo E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân H (Nguyễn Văn H), sửa Bản án sơ thẩm số 31/2021/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo về tội “Giả mạo trong công tác”. Thời hạn thử thách 05 năm tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Đối với bị cáo Nguyễn Văn E đã có văn bản rút kháng cáo ngày 14/4/2021 nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 08/2021/HSPT-QĐ ngày 19/5/2021 đối với bị cáo E là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân H và bị cáo Nguyễn Văn E trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Xuân H:

[2.1] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo E và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Nguyễn Văn E muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên đã có hành vi gian dối từ việc nhặt được rồi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Văn T và dùng thủ đoạn gian dối làm giả chứng minh thư của ông T, nhờ Nguyễn Xuân H làm giả Trích lục thửa đất số 89B, tờ bản đồ số 30 ở xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc để mạo danh ông Trần Văn T lập khống tài liệu trong hồ sơ vay vốn của

Ngân hàng TMCP X- Chi nhánh Hà Nội- Phòng giao dịch thành phố V, dẫn đến không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 300.000.000đ (trong đó E chiếm đoạt là 200.000.000đ, còn 100.000.000đ là tài sản đảm bảo tự nguyện của bên thứ ba). Bị cáo Nguyễn Xuân H là cán bộ địa chính hợp đồng xã B, huyện C được bị cáo E nhờ làm giả Trích lục thửa đất số 89B, tờ bản đồ số 30 ở xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc để vay vốn ngân hàng. Xuất phát từ động cơ cá nhân, nể nang, quen biết Nguyễn Văn E ở cùng làng xã nên bị cáo H đồng ý làm giúp E trích lục, H không được hưởng lợi nhuận gì từ việc làm trích lục giả. H không hề biết E có ý định gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ngân hàng. Căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Xuân H tại phiên tòa và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Xuân H về tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm b khoản 2 Điều 284 điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan sai.

[2.2] Xét việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Xuân H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Hành vi do bị cáo Nguyễn Xuân H thực hiện là xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, làm cho cơ quan tổ chức bị mất uy tín nên cần xử lý nghiêm. Cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mẹ bị cáo là người có công với Nhà nước được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Ba để xét xử bị cáo 4 năm tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nộp đơn có xác nhận của địa phương xác định: Bị cáo có nhân thân tốt, mặc dù bị cáo đã ngoài 60 tuổi nhưng bị cáo là lao động chính trong gia đình. Con trai bị cáo bị tai nạn giao thông, hiện bị cáo nuôi 2 cháu nội và nuôi mẹ già đau ốm. Bản thân bị cáo đã từng có thời gian phục vụ trong quân đội và có nhiều thành tích xuất sắc. Ban chỉ huy quân sự xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận: “Năm 1980, bị cáo được Trung đoàn 19 tặng Bằng khen hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc của đơn vị C16, E19, F326. Năm 1981, được trung đoàn 19 tặng Bằng khen hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc của đơn vị C16, E19, F326. Năm 1982, được tặng 01 Huy hiệu chiến sỹ thi đua của đơn vị C16, E19, F326 Quân khu 2”. Bị cáo được kết nạp Đảng trong quân đội và trong lý lịch Đảng của bị cáo cũng ghi những thành tích trên. Do đó, ngoài tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đây là những tình tiết mới cần được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo. Do bị cáo đã trên 60 tuổi, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội nhưng không vì mục đích tư lợi nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và

không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo yên tâm cải tạo.

[2.3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân H được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí theo quy định.

[3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn E đã có văn bản rút kháng cáo ngày 14/4/2021 nên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 08/2021/HSPT-QĐ ngày 19/5/2021 đối với bị cáo E.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân H (Nguyễn Văn H), sửa Bản án sơ thẩm số 31/2021/HSST ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H (Nguyễn Văn H) phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 284; điểm p và s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Khoản 1, 2 và 5 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H (Nguyễn Văn H) 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Xuân H (Nguyễn Văn H) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- UBND xã B, huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh